

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI GREENSTAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI GREENSTAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801301195

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                          | 4520     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                      | 4530     |
| 3.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                     | 4542     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                   | 4543     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                           | 4610     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                      | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                        | 4633     |
| 8.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                   | 4634     |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ Nhà nước cấm)                                                                                 | 4690     |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4721     |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                        | 4722     |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4723     |
| 14. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên<br>doanh                                                  | 4724     |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                               | 5510     |
| 16. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                      | 5590     |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                | 5610        |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                             | 5621        |
| 19. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                                 | 5629        |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                              | 5630        |
| 21. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                           | 6810(Chính) |
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 23. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                      | 6619        |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                               | 7020        |
| 25. | Quảng cáo<br>(trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                            | 7310        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TÔ THỊ HOA      | Việt Nam  | KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 070194007107                                                                                            |         |
| 2   | DƯƠNG TIẾN KIÊN | Việt Nam  | KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 070093008743                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 12/06/2024 đến ngày 12/07/2024

\* Họ và tên: DƯƠNG TIẾN KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1993

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070093008743

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

\* Họ và tên: TÔ THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 20/01/1994

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070194007107

Ngày cấp: 20/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: KP Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước